

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 11 – 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Xuân Giao

2. Ông Nguyễn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Ông Hoàng Hoàn Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 770/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1987, có mặt

Nơi ĐKKHKT: Thôn T1, xã E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Tạm trú: Đường B, phường E1, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Trương Kiến T, sinh năm 1985, vắng mặt

Trú tại: thôn T1, xã E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, các lời khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Trương Kiến T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông vào ngày 29/02/2007.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu sau khi kết hôn thì chị Nguyễn Thị Thúy L và Trương Kiến T chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên đến năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, anh T thường xuyên gây chuyện, đánh đập vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Khoảng tháng 7/2019 chị Nguyễn Thị Thúy L đã bỏ ra ngoài thuê phòng trọ ở riêng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị Nguyễn Thị Thúy L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Kiến T.

Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Trương Kiến T có 02 con chung là cháu Trương Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 22/01/2008 và cháu Trương Nguyễn Thanh H, sinh ngày 09/3/2010.

Nguyên vọng của chị Nguyễn Thị Thúy L giao cháu Trương Nguyễn Thanh L1 và cháu Trương Nguyễn Thanh H cho anh Trương Kiến T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai, các lời khai bị đơn anh Trương Kiến T trình bày:*

Anh Trương Kiến T và chị Nguyễn Thị Thúy L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông vào ngày 29/02/2007.

Anh Trương Kiến T và chị Nguyễn Thị Thúy L có 02 con chung là cháu Trương Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 22/01/2008 và cháu Trương Nguyễn Thanh H, sinh ngày 09/3/2010.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh Trương Kiến T và chị Nguyễn Thị Thúy L chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì xảy ra, nguyên vọng của anh Trương Kiến T muốn gia đình đoàn tụ, nay chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Trương Kiến T không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy L.

Về con chung: Nguyên vọng của anh Trương Kiến T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 22/01/2008 và cháu Trương Nguyễn Thanh H, sinh ngày 09/3/2010 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa

cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 28; Điều 35; các Điều 98; 203; 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy L.

Chị Nguyễn Thị Thúy L được ly hôn với anh Trương Kiến T.

Về con chung: Giao cháu Trương Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 22/01/2008 và cháu Trương Nguyễn Thanh H, sinh ngày 09/3/2010 cho anh Trương Kiến T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Thúy L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung giữa chị với anh Trương Kiến T. Đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”. Bị đơn anh Trương Kiến T hiện đang trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, quá trình làm việc tại Tòa án các đương sự không hòa giải được với nhau, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Trương Kiến T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông vào ngày 29/02/2007, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị Nguyễn Thị Thúy L thì đến năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, anh T thường xuyên gây chuyện, đánh đập vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Khoảng tháng 7/2019 chị Nguyễn Thị Thúy L đã bỏ ra ngoài thuê phòng trọ ở riêng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị Thúy L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Kiến T.

Anh Trương Kiến T cho rằng vợ chồng chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì xảy ra, nguyện vọng của anh Trương Kiến T muốn gia đình đoàn tụ, nay chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Trương Kiến T không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy L.

Kết quả xác minh mâu thuẫn tại địa phương xác định: Quá trình chung sống, chị L, anh T có những bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, dẫn đến tình cảm bị sút mẻ, anh T có gây chuyện đánh đập vợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Trương Kiến T có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay, chị Nguyễn Thị Thúy L đã cương quyết xin ly hôn với anh Trương Kiến T vì vậy nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy L, giải quyết cho chị Nguyễn Thị Thúy L được ly hôn với anh Trương Kiến T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Trương Kiến T có 02 con là cháu Trương Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 22/01/2008 và cháu Trương Nguyễn Thanh H, sinh ngày 09/3/2010.

Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Trương Kiến T đều có nguyện vọng giao cháu Trương Nguyễn Thanh L1 và cháu Trương Nguyễn Thanh H cho anh Trương Kiến T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đồng thời cháu L1 và cháu H đều có nguyện vọng ở với anh Trương Kiến T. Xét thấy nguyện vọng của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Trương Kiến T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy L.

1. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thúy L được ly hôn với anh Trương Kiến T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Trương Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 22/01/2008 và cháu Trương Nguyễn Thanh H, sinh ngày 09/3/2010 cho anh Trương Kiến T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Trương Kiến T không yêu cầu nên không giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thúy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị Nguyễn Thị Thúy L đã nộp (chị Phạm Thị Bích C1 nộp thay) theo biên lai số AA/2019/0004862 ngày 25/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- UBND phường N, thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

Đã ký

Trần Đại Minh